

Số : 01/2012/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về việc chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) quy định về việc chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thực hiện nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương trong thời gian chưa chuyển đổi thành Ngân hàng hợp tác xã theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giấy tờ có giá* là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời gian nhất định, điều kiện trả lãi và những điều kiện khác.

2. *Giấy tờ có giá dài hạn* là giấy tờ có giá có thời hạn từ một năm trở lên kể từ khi phát hành đến khi đến hạn thanh toán.

3. *Giấy tờ có giá ngắn hạn* là giấy tờ có giá có thời hạn dưới một năm kể từ khi phát hành đến khi đến hạn thanh toán.

4. *Chiết khấu giấy tờ có giá* là nghiệp vụ Ngân hàng Nhà nước mua ngắn hạn các giấy tờ có giá còn thời hạn thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước khi đến hạn thanh toán (sau đây gọi tắt là chiết khấu).

5. *Mua ngắn hạn giấy tờ có giá* là việc mua với kỳ hạn dưới một năm các giấy tờ có giá.

6. *Chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại* của giấy tờ có giá là hình thức Ngân hàng Nhà nước mua hẳn giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá chiết khấu.

7. *Chiết khấu có kỳ hạn* là hình thức Ngân hàng Nhà nước chiết khấu kèm theo yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết mua lại toàn bộ giấy tờ có giá đó sau một thời gian nhất định trước khi đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá. Kỳ hạn chiết khấu tối đa là 91 ngày.

8. *Tổng hạn mức chiết khấu* là tổng lượng tiền cung ứng được phê duyệt dành cho nghiệp vụ chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước.

9. *Hạn mức chiết khấu* được xác định theo quý và là số dư tối đa mà Ngân hàng Nhà nước thực hiện chiết khấu đối với các giấy tờ có giá cho một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại mọi thời điểm trong quý.

10. *Thời hạn chiết khấu* là khoảng thời gian tính từ ngày giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước nhận chiết khấu đến ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nghĩa vụ thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước và nhận lại giấy tờ có giá theo cam kết mua lại giấy tờ có giá đó (trường hợp chiết khấu có kỳ hạn) hoặc vào ngày đến hạn thanh toán giấy tờ có giá đó (trường hợp chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại).

11. *Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá* là khoảng thời gian tính từ ngày giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước nhận chiết khấu đến ngày đến hạn thanh toán.

12. *Lãi suất chiết khấu* là lãi suất Ngân hàng Nhà nước áp dụng để tính số tiền thanh toán khi thực hiện chiết khấu giấy tờ có giá. Lãi suất chiết khấu do Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố, phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện nghiệp vụ chiết khấu với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước ưu tiên chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Căn cứ vào tổng hạn mức chiết khấu và mục tiêu ưu tiên đầu tư tín dụng trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước phân bổ hạn mức chiết khấu đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chiết khấu phải sử dụng vốn đúng mục đích; khi hết hạn chiết khấu đối với trường hợp chiết khấu có kỳ hạn, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nhận lại giấy tờ có giá theo cam kết và thanh toán đầy đủ tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Phương thức thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

1. Phương thức giao dịch trực tiếp: Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước.

2. Phương thức giao dịch gián tiếp: Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao dịch thông qua hệ thống mạng giao dịch nghiệp vụ thị trường tiền tệ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Cấp mã số, mã khoá, mã chữ ký điện tử

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp mã số, mã khoá, mã chữ ký điện tử cho cán bộ giao dịch, cán bộ kiểm soát và cán bộ có thẩm quyền ký duyệt văn bản (sau đây gọi là nhân sự tham gia nghiệp vụ chiết khấu) để giao dịch qua hệ thống mạng giao dịch nghiệp vụ thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước nhằm thực hiện chế độ bảo mật.

Điều 6. Giấy tờ có giá được chiết khấu

1. Tiêu chuẩn giấy tờ có giá được chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước:

a) Được phát hành bằng đồng Việt Nam (VND);

b) Được phép chuyển nhượng;

c) Thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu;

d) Không phải là giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu phát hành;

đ) Thời hạn còn lại tối đa của giấy tờ có giá là 91 ngày đối với trường hợp chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá;

e) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá phải dài hơn thời hạn Ngân hàng Nhà nước chiết khấu đối với trường hợp chiết khấu có kỳ hạn.

2. Danh mục giấy tờ có giá được chiết khấu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

Điều 7. Ngày giao dịch

1. Ngày giao dịch trong nghiệp vụ chiết khấu là ngày làm việc.
2. Trường hợp ngày đáo hạn chiết khấu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày đáo hạn chiết khấu được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Điều kiện thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia nghiệp vụ chiết khấu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Là các tổ chức tín dụng không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.
2. Không có nợ quá hạn tại Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị chiết khấu.
3. Có tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được uỷ quyền) thực hiện chiết khấu.
4. Có hồ sơ đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá gửi Ngân hàng Nhà nước đúng hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư này.
5. Có giấy tờ có giá đủ điều kiện và thuộc danh mục các giấy tờ có giá được chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước.
6. Trường hợp giao dịch theo phương thức gián tiếp, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị tin học, đường truyền và kết nối với hệ thống máy chủ tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch và Cục Công nghệ tin học).

Điều 9. Thông báo hạn mức chiết khấu

1. Căn cứ vào mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tổng hạn mức chiết khấu đối với lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước ưu tiên chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu tiên hàng quý, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá qua đường bưu điện, fax hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) để làm cơ sở xác định và thông báo hạn mức chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quý.

3. Hồ sơ đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu bao gồm:

a) Giấy đề nghị Ngân hàng Nhà nước thông báo hạn mức chiết khấu theo Mẫu số 01/NHNN-CK;

b) Bảng cân đối tài khoản kế toán của tháng gần nhất của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Bảng kê các giấy tờ có giá đủ điều kiện chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước theo Mẫu số 02/NHNN-CK.

4. Căn cứ hồ sơ đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên hàng quý, Ngân hàng Nhà nước thực hiện phân bổ và thông báo hạn mức chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đề nghị theo Mẫu số 03/NHNN-CK.

5. Ngân hàng Nhà nước chỉ phân bổ và thông báo hạn mức chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu gửi tới Ngân hàng Nhà nước đúng thời gian quy định.

Điều 10. Thẩm quyền ký văn bản tham gia nghiệp vụ chiết khấu

1. Người có thẩm quyền thay mặt tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký duyệt các văn bản tham gia nghiệp vụ chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước là một trong những người sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;

b) Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) ký các văn bản tham gia nghiệp vụ chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

Điều 11. Đơn vị thực hiện nghiệp vụ chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước thực hiện chiết khấu giấy tờ có giá cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Sở Giao dịch. Trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở chính trên địa bàn.

Điều 12. Đại diện giao dịch của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao dịch với Ngân hàng Nhà nước thông qua trụ sở chính (sau đây gọi là đại diện giao dịch) dựa trên nhu cầu tổng hợp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hay nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chỉ giao dịch với một chi nhánh đại diện cho các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài đó tại Việt Nam dựa trên nhu cầu tổng hợp của các chi nhánh.

Điều 13. Trình tự thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

1. Trình tự thực hiện nghiệp vụ chiết khấu theo phương thức trực tiếp

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu chiết khấu giấy tờ có giá thông qua đại diện giao dịch gửi 01 giấy đề nghị chiết khấu (theo Mẫu số 05/NHNN-CK) theo đường bưu điện, fax hoặc nộp trực tiếp về Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền).

Căn cứ giấy đề nghị chiết khấu và hạn mức chiết khấu chưa sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền) xem xét quyết định và thông báo chấp nhận (theo Mẫu số 07A/NHNN-CK) hoặc thông báo không chấp nhận (theo Mẫu số 07B/NHNN-CK) trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Giấy đề nghị chiết khấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trình tự thực hiện nghiệp vụ chiết khấu theo phương thức gián tiếp

a) Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua đại diện giao dịch gửi Giấy đăng ký tham gia nghiệp vụ chiết khấu (theo Mẫu 04A/NHNN-CK) theo đường bưu điện, fax hoặc nộp trực tiếp về Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền và Cục Công nghệ tin học, mỗi đơn vị 01 giấy đăng ký) để được cấp mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử và phân quyền trong giao dịch chiết khấu.

Trường hợp có sự thay đổi về nhân sự tham gia nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, ngay khi quyết định thay thế cán bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi Giấy đề nghị cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu (theo Mẫu số 04B/NHNN-CK) theo đường bưu điện, fax hoặc nộp trực tiếp về Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền và Cục Công nghệ tin học, mỗi đơn vị 01 giấy đăng ký) để được cấp mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử và phân quyền trong giao dịch chiết khấu.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền và Cục Công nghệ tin học) thực hiện việc cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử cho các nhân sự tham gia nghiệp vụ chiết khấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu chiết khấu giấy tờ có giá thông qua đại diện giao dịch gửi 01 Giấy đề nghị chiết khấu

(theo Mẫu số 05/NHNN-CK) thông qua hệ thống mạng tin học về Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền);

c) Căn cứ vào Giấy đề nghị chiết khấu và hạn mức chiết khấu chưa sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định và thông báo chấp nhận (theo Mẫu số 07A/NHNN-CK) hoặc thông báo không chấp nhận (theo Mẫu số 07B/NHNN-CK) trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Giấy đề nghị chiết khấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Trường hợp tại thời điểm thông báo hạn mức chiết khấu, số dư chiết khấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước lớn hơn hạn mức chiết khấu được thông báo, các khoản chiết khấu có kỳ hạn đã được thực hiện trước đó vẫn được thực hiện theo cam kết. Ngân hàng Nhà nước chỉ tiếp tục thực hiện việc chiết khấu cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi số dư chiết khấu nhỏ hơn hạn mức chiết khấu được thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 14. Giao nhận và hoàn trả giấy tờ có giá được chiết khấu

1. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có thông báo chấp nhận chiết khấu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu tiến hành các thủ tục chuyển quyền sở hữu và giao nhận giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã hoàn thành đủ các thủ tục chuyển quyền sở hữu và giao nộp giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chuyển tiền cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trường hợp chiết khấu giấy tờ có giá có kỳ hạn, chậm nhất 02 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có thông báo chấp nhận chiết khấu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi 01 Giấy cam kết mua lại giấy tờ có giá (theo Mẫu số 06/NHNN-CK) về Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền). Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã hoàn thành đủ các thủ tục chuyển quyền sở hữu và giao nộp giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chuyển tiền cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Khi hết thời hạn chiết khấu (trường hợp chiết khấu có kỳ hạn), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước và nhận lại giấy tờ có giá theo cam kết.

Điều 15. Các trường hợp không chấp nhận chiết khấu

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã sử dụng hết hạn mức chiết khấu.

2. Hồ sơ đề nghị chiết khấu không đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Công thức xác định số tiền thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Trường hợp chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại:

1.1. Đối với giấy tờ có giá thanh toán lãi ngay khi phát hành:

1.1.1. Đối với giấy tờ có giá ngắn hạn, thanh toán lãi ngay khi phát hành:

$$G = \frac{MG}{1 + \frac{L \times T}{365}}$$

Trong đó:

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm.

1.1.2. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán lãi ngay khi phát hành:

$$G = \frac{MG}{(1 + L)^{T/365}}$$

Trong đó:

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm.

1.2. Đối với giấy tờ có giá thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn:

1.2.1. Đối với giấy tờ có giá ngắn hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn:

$$G = \frac{GT}{1 + \frac{L \times T}{365}}$$

Trong đó:

$$GT = MG \times \left(1 + \frac{Ls \times n}{365}\right)$$

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, bao gồm mệnh giá và tiền lãi;

MG: Mệnh giá;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm;

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm);

n: Kỳ hạn giấy tờ có giá (số ngày).

1.2.2. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn (lãi không nhập gốc):

$$G = \frac{GT}{1 + \frac{L \times T}{365}}$$

Trong đó: $GT = MG \times [1 + (Ls \times n)]$

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, bao gồm mệnh giá và tiền lãi;

MG: Mệnh giá;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm;

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm);

n: Kỳ hạn giấy tờ có giá (năm).

1.2.3. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn (lãi nhập gốc):

$$G = \frac{GT}{(1 + L)^{T/365}}$$

Trong đó: $GT = MG \times (1 + Ls)^n$

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, bao gồm mệnh giá và tiền lãi;

MG: Mệnh giá;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm;

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm)

n: Kỳ hạn giấy tờ có giá (năm).

1.3. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán gốc và lãi định kỳ:

$$G = \sum_i \frac{C_i}{\left(1 + \frac{L}{k}\right)^{(T_i \times k)/365}}$$

Trong đó:

G: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

C_i : Số tiền thanh toán lãi, gốc lần thứ i;

i: Lần thanh toán lãi, gốc thứ i;

L: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

365: Số ngày quy ước cho một năm;

k: Số lần thanh toán lãi trong một năm;

T_i : Thời hạn tính từ ngày chiết khấu đến ngày thanh toán lãi, gốc lần thứ i (số ngày);

2. Trường hợp chiết khấu có kỳ hạn:

2.1. Công thức xác định số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi chiết khấu giấy tờ có giá (giá chiều đi) được tính theo công thức nêu tại Khoản 1 điều này.

2.2. Công thức xác định số tiền các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu (giá chiều về):

$$G_v = G \times \left(1 + \frac{L \times T_b}{365}\right)$$

Trong đó:

G_v : Số tiền các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu;

G : Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

L : Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu giấy tờ có giá (%/năm);

T_b : Kỳ hạn chiết khấu (tính theo ngày);

365: Số ngày quy ước cho một năm.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn chiết khấu (trường hợp chiết khấu có kỳ hạn) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chiết khấu không thực hiện thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng Nhà nước để nhận lại giấy tờ có giá theo cam kết, Ngân hàng Nhà nước sẽ trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước để thu nợ.

Trường hợp tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chiết khấu không có hoặc không đủ tiền, Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp sau:

a) Thu nợ từ các nguồn khác (nếu có) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Chuyển số tiền còn thiếu sang nợ quá hạn và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất chiết khấu;

c) Lập thông báo kết quả xử lý vi phạm gửi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có Thông báo xử lý vi phạm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chiết khấu không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét bán các giấy tờ có giá của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà Ngân hàng Nhà nước đang nắm giữ trên thị trường tiền tệ để thu hồi số tiền còn thiếu theo quy định. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ không được tham gia nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo xử lý vi phạm.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu không thực hiện đúng các quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư này coi như tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã huỷ bỏ đề nghị chiết khấu. Một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài huỷ bỏ đề nghị chiết khấu 2 lần thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó sẽ không được tiếp tục tham gia nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có thông báo chấp nhận chiết khấu đối với đề nghị chiết khấu lần thứ 2.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Gửi hồ sơ đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu, giấy đề nghị chiết khấu và giấy cam kết mua lại giấy tờ có giá theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Thực hiện đúng các cam kết và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện nghiệp vụ chiết khấu.

4. Thực hiện các thủ tục về chuyển giao quyền sở hữu, giao nộp giấy tờ có giá giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước.

5. Thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu trong thông báo của Ngân hàng Nhà nước về xử lý nợ.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định mức cung ứng tiền dành cho nghiệp vụ chiết khấu từng quý trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố lãi suất chiết khấu;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chiết khấu.

2. Vụ Tín dụng

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước ưu tiên chiết khấu trong từng thời kỳ;

b) Thực hiện công khai việc phân bổ hạn mức chiết khấu cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở tổng hạn mức chiết khấu được phê duyệt cho lĩnh vực ưu tiên chiết khấu;

c) Thông báo hạn mức chiết khấu cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Sở Giao dịch;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục các giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu khi cần thiết;

đ) Tổng hợp tình hình phân bổ và thực hiện nghiệp vụ chiết khấu từ Sở Giao dịch và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền theo quý để báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Sở Giao dịch

a) Hướng dẫn quy trình thực hiện nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá tại Sở Giao dịch và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền;

b) Thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hạn mức chiết khấu đã được thông báo, thu hồi nợ gốc và lãi theo quy định tại Thông tư này;

c) Tổ chức giao nhận, lưu giữ, bảo quản giấy tờ có giá được chiết khấu, hồ sơ tài liệu, hoàn trả giấy tờ có giá và hạch toán giấy tờ có giá theo quy định;

d) Đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề về chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chiết khấu;

đ) Thực hiện lưu ký giấy tờ có giá được sử dụng để chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định, xác nhận lưu ký giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chiết khấu đang lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước;

e) Thực hiện các thủ tục về chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước;

g) Lập và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm cam kết mua lại giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

h) Định kỳ hàng quý tổng hợp kết quả thực hiện nghiệp vụ chiết khấu của toàn hệ thống báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Vụ Tín dụng và Vụ Chính sách tiền tệ (theo Mẫu số 08/NHNN-CK);

i) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc ủy quyền cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghiệp vụ chiết khấu đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn.

4. Vụ Kế toán - Tài chính

Hướng dẫn thực hiện hạch toán kế toán liên quan đến nghiệp vụ chiết khấu.

5. Cục Công nghệ tin học

a) Phối hợp với Sở Giao dịch trong việc cấp mới và hủy mã khoá truy cập, mã chữ ký điện tử đối với các nhân sự tham gia nghiệp vụ chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia nghiệp vụ chiết khấu;

b) Chịu trách nhiệm về xây dựng chương trình phần mềm nghiệp vụ, kỹ thuật, đường truyền và phối hợp với Sở Giao dịch trong xử lý kỹ thuật để đảm bảo đường truyền thông suốt và các giao dịch nghiệp vụ chiết khấu được kịp thời, an toàn, chính xác.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được uỷ quyền

www.vanbanluat.vn

a) Thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phạm vi đã được uỷ quyền;

b) Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện nghiệp vụ chiết khấu trên địa bàn về Vụ Tín dụng và Sở Giao dịch (theo Mẫu số 08/NHNN-CK).

7. Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng

Phối hợp thông báo tình hình hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho Vụ Tín dụng khi có yêu cầu.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày...31...tháng...3... năm...2012 và thay thế Quyết định số 898/2003/QĐ-NHNN ngày 12/8/2003 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng, Quyết định số 12/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, một số điều của quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 898/2003/QĐ-NHNN ngày 12/8/2003, Điều 1 Thông tư số 26/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 20;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ TD(10).



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN

Tên (địa chỉ, lôgô)
của tổ chức tín dụng,
CNNH nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ THÔNG BÁO HẠN MỨC CHIẾT KHẤU

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Tín dụng)

Tên tôi là:.....Chức vụ:.....
Đại diện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....
Địa chỉ:.....
Mã số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....Điện thoại:.....Fax:.....

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: tại Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) đề nghị Ngân hàng Nhà nước thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá quý.... năm.... để có cơ sở thực hiện nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá trong quý.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc**

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

Tên (địa chỉ, logo)
của tổ chức tín dụng,
CNNH nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

BẢNG KÊ GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHIẾT KHẤU
TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
(Dính kèm Giấy đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu số.... ngày... tháng... năm...)

Đơn vị: đồng

Số TT	Loại giấy tờ có giá	Mã giấy tờ có giá		Tổ chức phát hành	Phương thức thanh toán lãi, gốc	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất phát hành	Ngày đến hạn thanh toán
		Lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trái phiếu Kho bạc		TP1A2502	Kho bạc Nhà nước	Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi nhập gốc	25/8/2006	40.000.	8.75%	25/8/2011
2	...								
	...								
	Cộng								

....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của (tổ chức phát hành,
đại lý phát hành hoặc tổ chức lưu
ký)

Lập biểu

Kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /TB-NHNN

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá Quý....năm....

Căn cứ Thông tư số ... /... /TT-NHNN ngày ... tháng ... năm... quy định về việc chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá Quý..... năm.....đối với (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) là(Số tiền bằng số và bằng chữ)..... .

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thực hiện chiết khấu giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi hạn mức quy định tại Thông báo này theo quy định hiện hành.

Thừa lệnh Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng thông báo để (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tên TCTD;
- TD, PTĐ phụ trách (để b/c);
- Sở Giao dịch NHNN (để th/h) ;
- Vụ CSTT (để biết) ;
- Lưu VP, TD.. .

**TL.THỐNG ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG**
(Ký tên, đóng dấu)

Tên (địa chỉ, lôgô)
của tổ chức tín dụng
CNNH nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA NGHIỆP VỤ CHIẾT KHẤU

Kính gửi:

- Sở Giao dịch
(hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền);
- Cục Công nghệ tin học ngân hàng.

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Telex :.....Telexfax:.....

Mã số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài :.....

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: tại Ngân hàng Nhà nước

Chúng tôi xin tham gia nghiệp vụ chiết khấu và giới thiệu danh sách cán bộ có thẩm quyền, kiểm soát và các giao dịch viên có quyền tham gia giao dịch nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước như sau :

Họ và tên	Chức danh	Chữ ký 1	Chữ ký 2
1. Cán bộ có thẩm quyền ký duyệt			
...			
2. Cán bộ kiểm soát			
...			
3. Cán bộ giao dịch			
...			

Ghi chú :

- Cán bộ có thẩm quyền ký duyệt văn bản phải là người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật;
- Số điện thoại, Fax của bộ phận thực hiện nghiệp vụ chiết khấu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc**

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

Tên (địa chỉ, logo)
của tổ chức tín dụng,
CNHN nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập
chữ ký điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu

Kính gửi:

- Sở Giao dịch
- (hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền);
- Cục Công nghệ tin học ngân hàng.

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Telex :.....Telexfax:.....

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: tại Ngân hàng Nhà nước

Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho những cán bộ có tên theo danh sách sau:

I. Cấp mới: Đối với những người mới được phân công đảm nhiệm

Họ và tên	Chức danh	Chữ ký 1	Chữ ký 2
1. Cán bộ có thẩm quyền ký duyệt			
...			
2. Cán bộ kiểm soát			
...			
3. Cán bộ giao dịch			
...			

II. Thu hồi: Đối với người miễn nhiệm (không cần giới thiệu chữ ký)

1. Cán bộ có thẩm quyền ký duyệt:
2. Cán bộ kiểm soát:
3. Cán bộ giao dịch:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

Tên (địa chỉ, logo)
của tổ chức tín dụng
CNNH nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHIẾT KHẤU

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền)

Tên tôi là:.....Chức vụ:.....
Đại diện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....
Địa chỉ:.....
Mã số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài :.....Điện
thoại:.....Fax :.....
Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: tại Ngân hàng Nhà nước
Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chiết khấu các giấy tờ có giá sau:

Đơn vị : đồng

STT	Loại Giấy tờ có giá				Lãi suất phát hành (%/năm)	Ngày đến hạn thanh toán của GTCG	Thời hạn còn lại của GTCG	Giá trị của GTCG	
	Tên, kỳ hạn, mã số		Hình thức					Theo mệnh giá	Theo số tiền thanh toán
			Phát hành	Trả lãi					
	Lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoản Việt Nam	Lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1								
2	2								
...	...								
Tổng								X	X

Hình thức chiết khấu:.....(ghi rõ chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại hoặc chiết khấu có kỳ hạn bao nhiêu ngày).

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm ... quy định về việc chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc**

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

Tên (địa chỉ, logo)
của tổ chức tín dụng
CNNH nước ngoài
Số văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

**GIẤY CAM KẾT MUA LẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC CHIẾT KHẤU**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền)

Căn cứ Thông báo số....ngày..../..../20...của Sở Giao dịch chấp thuận chiết khấu có kỳ hạn....ngày, các giấy tờ có giá của (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

Tôi là.....chức vụ....., đại diện cho (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cam kết sẽ mua lại toàn bộ các giấy tờ có giá.

Đơn vị : đồng

S T T	Loại Giấy tờ có giá				Thời hạn còn lại của GTCG (ngày)	Thời hạn chiết khấu	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Mệnh giá của GTCG	Số tiền thanh toán	
	Tên, thời hạn, mã số		Hình thức						Số tiền NHNN thanh toán vào ngày...	Số tiền TCTD, CNNH nước ngoài mua lại vào ngày...
	Lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước	Phát hành	Trả lãi						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1									
2	2									
...	...									
Tổng cộng										

Tôi xin cam kết nhận lại giấy tờ có giá và thanh toán đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước, nhận lại các giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước vào ngày.... theo quy định tại Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ... tháng ... năm ... quy định về việc chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch
Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc,
Giám đốc**

(hoặc người được ủy quyền)
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số /TB-NHNN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
KHÔNG CHẤP NHẬN CHIẾT KHẤU**

Căn cứ Thông tư số.../.../TT-NHNN ngày... tháng ... năm ... quy định về việc chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ vào Giấy đề nghị chiết khấu ngày.../.../.....của (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

Ngân hàng Nhà nước không chấp nhận chiết khấu các giấy tờ có giá theo đề nghị của (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) (đính kèm theo danh mục giấy tờ có giá không được chiết khấu) với tổng giá trị là:..... (Số tiền bằng số, bằng chữ), vì các lý do sau:

1.....

2.....

Ngân hàng Nhà nước thông báo để (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) biết.

Nơi nhận:

- Tên TCTD;
- Lưu: Sở Giao dịch NHNN.

**TL. THỐNG ĐỐC
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH**
(hoặc Giám đốc NHNN CN được UQ)
(Ký tên, đóng dấu/Mã chữ ký điện tử)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /TB-NHNN

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤP NHẬN CHIẾT KHẤU

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ... tháng ... năm ... quy định về việc chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ vào Giấy đề nghị chiết khấu ngày..../.... của (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

Căn cứ hạn mức chiết khấu của (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) hiện chưa sử dụng đến thời điểm xin chiết khấu:.....đồng (Số tiền bằng số, bằng chữ).

Ngân hàng Nhà nước đồng ý chiết khấu.....(hình thức chiết khấu) các giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo danh mục dưới đây:

Đơn vị: đồng

S T T	Loại Giấy tờ có giá				Thời hạn còn lại của GTCG (ngày)	Thời hạn chiết khấu	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Mệnh giá của GTCG	Số tiền thanh toán	
	Tên, thời hạn, mã số		Hình thức						Số tiền NHNN thanh toán vào ngày...	Số tiền TCTD mua lại vào ngày...
	Lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước	Phát hành	Trả lãi						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1									
2	2									
...	...									
Tổng cộng									X	X

Ngân hàng Nhà nước thông báo để (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) biết và làm các thủ tục chiết khấu theo quy định (đối với trường hợp chiết khấu có kỳ hạn lập cam kết gửi về Ngân hàng Nhà nước chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có thông báo chấp nhận chiết khấu).

Nơi nhận:

- Tên TCTD;
- Lưu: Sở Giao dịch NHNN.

TL. THÔNG ĐỌC
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH
(hoặc Giám đốc NHNN CN được UQ)
(Ký tên, đóng dấu/Mã chữ ký điện tử)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số 08/NHNN-CK
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỐ GIAO DỊCH
(hoặc NHNNCN được ủy quyền)

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Số :...../BC-SGD

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ CHIẾT KHẤU GIẤY TỜ CÓ GIÁ
Quý năm ...

- Tổng hạn mức chiết khấu được duyệt trong quý :...
- Số hạn mức chiết khấu còn lại đến cuối quý :...
- Tổng số tiền thực hiện chiết khấu trong quý :...
- Số dư chiết khấu cuối quý:...
- Chi tiết theo từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như

sau:

Đơn vị : đồng

Stt	Tên TCTD, CNNH nước ngoài	Hạn mức được duyệt trong quý	Số tiền NHNN chiết khấu trong quý			Hạn mức CK còn lại đến cuối quý	Số dư chiết khấu cuối quý
			Tổng số	Trong đó			
				Chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại	Chiết khấu có kỳ hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
...							
...							
Tổng cộng							

Nơi nhận :

- Thống đốc NHNN;
- Phó Thống đốc phụ trách;
- Các Vụ: TD, CSTT;
- Lưu SGD (hoặc NHNNCN được UQ).

GIÁM ĐỐC

(Ký tên/Mã chữ ký điện tử)